TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2020
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Hảo

2. Ông Hồ Văn Bún

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp X, xã Th, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

Bà H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông Tr vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/11/2019 và biên bản hòa giải không được nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Tr; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 22/4/2018 cho ông Tr nuôi dưỡng và chăm sóc,

nguyên đơn không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung; Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn ông Tr vắng mặt nhưng trong biên bản ghi lời khai ngày 06/12/2019, ông có ý kiến đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, tài sản chung và nợ chung là không có.

- Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Bà H và ông Tr tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hai bên quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian ngắn thì được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2018 (không nhớ ngày tháng cụ thể) và vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Long An ngày 02/5/2018. Sau khi cưới, hai vợ chồng làm công nhân tại huyện Đ1, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian không lâu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Tr không lo làm việc, hay uống rượu còn có hành vi đánh bà H, từ tháng 5/2019, ông Tr bỏ về R, xã B sinh sống nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong quá trình chung sống bà và ông Tr có 01 con chung Nguyễn Tuấn A (Giới tính: nam), sinh ngày 22/4/2018, từ tháng 4/2019, bà đã gửi con về cho cha mẹ ruột của ông Tr nuôi dưỡng cho đến nay, bà không có về thăm con vì ông Tr kiếm chuyện gây cãi và đe dọa bà. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Tr. Hiện tại bà vẫn đi làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng 3.800.000 đồng, số tiền này chỉ đủ bà chi dùng cá nhân, trả một số khoảng nợ mà bà vay mượn trước đây nên không có khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của ông Tr.

Ông Tr thống nhất lời trình bày của bà H về điều kiện kết hôn,về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông cho rằng bà H có tình cảm với người khác và còn chụp hình đăng lên mạng xã hội, vợ chồng đã sống ly thân từ khi tổ chức xong lễ thôi nôi cho con (con Tr 01 tuổi), bà H cũng không có về thăm con, hiện nay ông làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà H với ông Tr không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét điều kiện sinh sống của các bên, ông Tr có nguyện vọng được nuôi con chung và hiện tại con chung đang sống chung với ông Tr nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Tuấn A cho ông Tr nuôi dưỡng và chăm sóc; Ông Tr yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 110, Điều

116 Luật Hôn nhân và gia đình buộc bà H cấp dưỡng theo quy định. Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xem xét.

Về áp dụng pháp luật: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả thảo luận đánh giá chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà H yêu cầu ly hôn với ông Tr, ông Tr có nơi cư trú tại ấp R, xã B, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Tr là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà H và ông Tr là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V vào ngày 02/5/2018 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Bà H và ông Tr trình bày không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thống nhất trình bày đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay và ông Tr đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà H và ông Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà H và ông Tr đều xác định có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2018 và hiện tại con chung đang sống chung với ông Tr; Bà H đồng ý giao con chung cho ông Tr nuôi dưỡng và chăm sóc, ông Tr cũng có nguyện vọng nuôi con chung; Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 06/12/2019, thể hiện con chung sống chung với ông Tr từ trước đến nay, bản thân ông Tr sống tại địa phương không có vi phạm về đạo đức, lối sống, không vi phạm các tệ nạn xã hội. Như vậy, yêu cầu được nuôi con chung của ông Tr là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì việc cấp dưỡng nuôi con chung là trách nhiệm của cha mẹ đối với con và mức cấp dưỡng được xác định dựa trên sự thỏa thuận của các bên, mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; Ông Tr yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh mức thu nhập thực tế của bà H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh mức chi phí phải chi cho nhu cầu thiết yếu hàng tháng của con chung Tuấn A;

Còn bà H thì xác định có thu nhập hàng tháng với mức 3.800.000 đồng nên không đồng ý cấp dưỡng, các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Vì vậy, Tòa án xem xét buộc bà H cấp dưỡng hàng tháng theo mức bình quân là mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở do nhà nước quy định theo từng thời điểm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà H và ông Tr đều trình bày không có và không có yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà H.

[7] Về án phí: Do bà H không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban TH vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn A (Giới tính: nam), sinh ngày 22/4/2018 cho ông Nguyễn Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Bà Trần Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng ½ (một phần hai) mức lương cơ sở theo từng thời điểm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền

tạm ứng án phí bà Trần Thị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 04/12/2019 theo biên lai thu tiền số 0004652 sang tiền án phí nên bà H còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng .

Báo cho bà H, ông Tr biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu